TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **03**/2020/DS-ST
Ngày: 04/02/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Hằng - Cán bộ nghỉ hưu.

2. Ông Lê Khắc Dũng – Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương Trà – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Tất Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 140/2019/DS – ST ngày 13/6/2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị N – sinh năm 1956.

Địa chỉ cư trú: Thôn 8, xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị N: bà Đào Thị N1. Địa chỉ: TDP 3A, thị trấn E1, huyện E1, tỉnh Đ – Có mặt.

Bị đơn: ông Trần Nghĩa H và bà Nguyễn Thị L.

Địa chỉ cư trú: Thôn 9, xã E2, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2019 và phần trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đào Thị N1:

Bà Nguyễn Thị L, ông Trần Nghĩa H với bà Vũ Thị Nlà quen biết, từ trước đến nay không có mâu thuẫn gì.

Vì quen biết nên bà N có cho bà L, ông H vay tổng cộng là 206.000.000 đồng, các lần vay cụ thể như sau:

+ Ngày 05/3/2017 âm lịch, tức ngày 01/4/2017, bà L, ông H có vay bà N số

tiền là 70.000.000 đồng. Hẹn 02 tháng sẽ trả gốc và lãi là 1,5%/ tháng. Hai bên có lập Giấy vay tiền cùng ngày và bên dưới " Người vay" có chữ ký – chữ viết L – Nguyễn Thị L và H – Trần Nghĩa H.

+ Ngày 10/3/2017 ÂL, tức ngày 06/4/2017, bà L, ông H có vay bà N số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), hẹn 03 tháng sẽ trả gốc và lãi 1,5%/ tháng. Hai bên có lập Giấy vay tiền cùng ngày và bên dưới " Người vay" có chữ ký – chữ viết L – Nguyễn Thị L và H – Trần Nghĩa H.

+ Ngày 15/3/2017 ÂL tức ngày 11/4/2017, bà L ông H có vay bà N số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), hẹn 05 tháng sẽ trả gốc và lãi1,5%/ tháng. Hai bên có lập Giấy vay tiền cùng ngày và bên dưới " Người vay" có chữ ký – chữ viết L – Nguyễn Thị L và H – Trần Nghĩa H.

+ Ngày 17/3/2017 ÂL tức ngày 13/4/2017, bà L ông H có vay bà N số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Hai bên không thỏa thuận trả tiền khi nào và lãi suất, nhưng có nói khi nào cần thì bà Nhuận sẽ lấy lại. Hai bên có lập Giấy vay tiền cùng ngày và bên dưới " Người vay" có chữ ký – chữ viết L – Nguyễn Thị L và H – Trần Nghĩa H.

+ Ngày 26/3/2017 ÂL tức ngày 22/4/2017, bà L, ông H có vay bà N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), hẹn 06 tháng sẽ trả gốc và lãi tính là 1,5%/ tháng. Hai bên có lập Giấy vay tiền cùng ngày và bên dưới " Người vay" có chữ ký – chữ viết L – Nguyễn Thị L và H – Trần Nghĩa H.

+ Ngày 05/4/2017 ÂL tức ngày 30/4/2017, bà L, ông H có vay bà N số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), hẹn 01tháng sẽ trả gốc và lãi tính là 1,5%/ tháng. Hai bên có lập Giấy vay tiền cùng ngày và bên dưới " Người vay" có chữ ký – chữ viết L – Nguyễn Thị L và H – Trần Nghĩa H.

Tổng cộng, bà Nguyễn Thị L và ông Trần Nghĩa H vay của bà Vũ Thị N là 206.000.000 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu đồng). Mặc dù đã tới đòi nhiều lần nhưng bà L, ông H không trả nợ.

Đối với việc ngày 07/9/2017, bà N đã làm đơn khởi kiện ông H đến TAND huyện EaKar để yêu cầu giải quyết khoản vay ngày 10/01/2017 ÂL số tiền là 210.000.000 đồng, cũng trong thời gian tháng 9/2017, có một số khoản vay khác cũng đến hạn trả nợ, tuy nhiên, vì bà N không có tiền đóng tạm ứng án phí nên chỉ mới khởi kiện được khoản vay 210 triệu đồng ngày 10/01/2017 ÂL. Do đó, nay bà Vũ Thị N làm đơn khởi kiện, đề nghị TAND huyện EaKar yêu cầu ông H, bà L phải trả tổng số tiền của 06 lần vay nêu trên là 206.000.000 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại Công an xã Ea Sar, được biết bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Trần Nghĩa H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 9, xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk, nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương. Như vậy, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, nhưng bị đơn thay đổi địa

chỉ cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới của mình, do đó xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ, do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến về việc chấp hành đúng quy định tại tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia làm việc theo giấy triệu tập và không có mặt tại phiên tòa là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều 71, 72 của BLTTDS.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Trần Nghĩa H trả số tiền vay theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án thì nguyên đơn bà Vũ Thị N khởi kiện bà Nguyễn Thị L, ông Trần Nghĩa H trả số tiền nợ phát sinh từ 06 Hợp đồng vay tài sản các ngày 05/3/2017 âm lịch (tức ngày 01/4/2017); Ngày 10/3/2017 ÂL (tức ngày 06/4/2017); Ngày 15/3/2017 ÂL (tức ngày 11/4/2017); Ngày 17/3/2017 ÂL (tức ngày 13/4/2017); Ngày 26/3/2017 ÂL (tức ngày 22/4/2017); Ngày 05/4/2017 ÂL (tức ngày 30/4/2017). Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị ông Trần Nghĩa H có nơi cư trú tại Thôn 9, xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

HĐXX nhận thấy, nguyên đơn bà Vũ Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị L, ông Trần Nghĩa H phải trả tổng số tiền của 06 khoản vay, bao gồm khoản tiền 70.000.000 đồng vay ngày 01/4/2017; khoản tiền 30.000.000 đồng vay ngày 06/4/2017; khoản tiền 45.000.000 đồng vay ngày 11/4/2017; khoản tiền 40.000.000 đồng vay ngày 13/4/2017; khoản tiền 20.000.000 đồng vay ngày 22/4/2017 và khoản tiền 1.000.000 đồng vay ngày 30/4/2017, tổng cộng là 206.000.000 đồng là có cơ sở. Bởi lẽ, căn cứ kết luận giám định số 129/PC 09 ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk xác định chữ kỹ chữ viết L – Nguyễn Thị L và H – Trần Nghĩa H bên dưới 06 giấy vay tiền các ngày nêu trên đúng là của

bà Nguyễn Thị L và ông Trần Nghĩa H. Như vậy, bà Nguyễn Thị L và ông Trần Nghĩa H có vay của bà Vũ Thị N 06 lần, với tổng số tiền 206.000.000 đồng là có thật, và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, theo khoản 1 Điều 463 Bộ luật Dân sự quy định "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*".

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị L và ông Trần Nghĩa H phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Vũ Thị N tổng số tiền vay của 06 hợp đồng vay các ngày 01/4/2017; ngày 06/4/2017; ngày 11/4/2017; ngày 13/4/2017; ngày 22/4/2017; ngày 30/4/2017 là 206.000.000 đồng, là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Trần Nghĩa H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.300.000 đồng (Mười triệu ba trăm ngàn đồng).

+ Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp chi phí giám định là 5.040.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L và ông Trần Nghĩa H phải trả chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.040.000 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng) cho nguyên đơn bà Vũ Thị N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Trần Nghĩa H phải trả cho bà Vũ Thị N tổng số tiền 206.000.000 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu đồng) tiền vay.

2. Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Trần Nghĩa H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.300.000 đồng.

Trả cho nguyên đơn bà Vũ Thị N số tiền 5.150.000 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/ 0013114 ngày 07/6/2019.

+ Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp chi phí giám định là 5.040.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L và ông Trần Nghĩa H phải trả chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.040.000 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng) cho nguyên đơn bà Vũ Thị N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Ly

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
-Chi cục THADS huyện Ea Kar.
-Các đương sự;
-Lưu HS, VP.